TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/DS - ST.
Ngày: 12 - 3 - 2024.
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Rực.

2. Bà Trần Thúy Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2023/TLST - DS, ngày 21 tháng 11 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-DS, ngày 02 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty T2 JACCS (gọi tắt là Công ty); địa chỉ: Lầu A Tòa nhà C, 7 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diệp hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hứa Minh T, sinh năm 1985; nơi đăng ký thường trú: Ấp B, xã T, Huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nơi ở hiện nay: Lầu A Tòa nhà C, 7 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số 463/2023/UQLM-JIVF ngày 11/10/2023) (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 2003; địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 26/10/2023, nguyên đơn Công ty T2 JACCS trình bày: Nguyên vào ngày 04/04/2023, ông Nguyễn Ngọc T1 ký hợp đồng số 930100004021625000 với Công ty để vay tiền mặt theo hình thức trả góp hàng

tháng, cụ thể như sau: Số tiền vay là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng); thời hạn vay 18 tháng, lãi suất 3,87%/tháng; số tiền thanh toán mỗi tháng là 2.356.828 đồng vào trước hoặc đúng ngày 12 hàng tháng cho đến khi tất toán hợp đồng vay, ngày thanh toán đầu tiên là ngày 12/5/2023. Sau khi ký kết hợp đồng, thì Công ty đã giải ngân cho ông T1 đủ số tiền 30.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 14/8/2023, ông T1 đã thanh toán cho Công ty số tiền nợ gốc là 3.453.919 đồng, lãi là 3.581.340 đồng và phí quản lý khoản vay 36.000 đồng. Tổng cộng ông T1 đã thanh toán cho Công ty số tiền là 7.071.259 đồng (Bảy triệu không trăm bảy mươi mốt nghìn hai trăm năm mươi chín đồng). Tuy nhiên, từ sau ngày 14/8/2023 đến nay, ông T1 không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán và cố tình lẩn tránh, mặc dù Công ty đã nhiều lần gọi điện thoại yêu cầu ông T1 thanh toán, nhiều lần đến nhà yêu cầu ông T1 thanh toán.Việc ông T1 không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán đã vi phạm Điều 3; Điều 8 của hợp đồng số 930100004021625000 ngày 04/04/2023 mà hai bên đã thỏa thuận và ký kết, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của Công ty.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 04/3/2024, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Hứa Minh T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn ông Nguyễn Ngọc T1 phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ cho Công ty tính đến ngày 12/3/2024 với số tiền nợ gốc là 26.546.081 đồng và tiền lãi, phí là 8.421.521 đồng (trong đó: Lãi trong hạn là 8.241.217 đồng, lãi quá hạn là 754.304 đồng, phí quản lý khoản vay là 96.000 đồng), tổng cộng 35.637.602 đồng (Ba mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm lẻ hai đồng). Ông T1 còn phải tiếp tục thanh toán cho Công ty tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí từ sau ngày 12/3/2024 cho đến khi hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số 930100004021625000 ký ngày 04/04/2023.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Ngọc T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tống đạt các văn bản tố tụng khác nhưng không thể thực hiện được thủ tục cấp, tống đạt, thông báo trực tiếp cho họ được vì ông T1 đã bỏ địa phương đi và không thông báo cho Tòa án và nguyên đơn biết việc đã thay đổi địa chỉ nơi cư trú và địa chỉ nơi cư trú mới, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 70, khoản 1 Điều 72, khoản 3 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho họ theo đúng quy định của pháp luật.

- Tại phiên toà, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc T1 chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35;

điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 129, Điều 131, Điều 280, Điều 299, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Nguyễn Ngọc T1 hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 12/3/2024 với số tiền nợ gốc là 26.546.081 đồng và tiền lãi, phí là 8.421.521 đồng (trong đó: Lãi trong hạn là 8.241.217 đồng, lãi quá hạn là 754.304 đồng, phí quản lý khoản vay là 96.000 đồng), tổng cộng là 35.637.602 đồng (Ba mươi lăm triệu, sáu trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm lẻ hai đồng) và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đến khi ông Nguyễn Ngọc T1 trả xong số nợ gốc cho Công ty.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung khởi kiện, nguyên đơn Công ty yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T1 trả số tiền nợ đã thực hiện giao dịch mà ông Nguyễn Ngọc T1 ký kết tại hợp đồng tín dụng số 930100004021625000 ký ngày 04/04/2023 Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án, bị đơn ông Nguyễn Ngọc T1 cư trú tại ấp T, xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T1 từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông T1 nhưng ông không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T1 hai lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Hứa Minh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Ngọc T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T và ông T1.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn ông Nguyễn Ngọc T1 có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc là 26.546.081 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Để chứng minh cho việc bị đơn ông Nguyễn Ngọc T1 có vay vốn, Công ty cung cấp cho Tòa án chứng cứ là hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 930100004021625000 ngày 04/04/2023 và giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ ngày 04/04/2023 được ký kết theo phương thức chữ ký điện tử, giấy ủy nhiệm chi, giấy báo nợ của Ngân hàng Thương mại cổ phần C đã giải ngân số tiền 30.000.000 đồng chuyển cho người thụ hưởng là Nguyễn Ngọc T1, số tài khoản

101876737211 với nội dung chuyển tiền cho khách hàng Nguyễn Ngọc T1 và các giấy tờ khác có liên quan. Xét thấy, về hình thức, nội dung các văn bản này là phù hợp theo quy định của pháp luật nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia có các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký; đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông T1 biết nhưng ông T1 không có ý kiến phản đối gì. Do đó, Hội đồng xét xử khẳng định ông T1 đã vay và nhận đủ của Công ty số tiền là 30.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, theo lịch sử thanh toán do Công ty cung cấp thể hiện sau khi vay ông T1 đã trả cho Công ty được số tiền gốc là 3.453.919 đồng, lần cuối cùng trả vào ngày 14/8/2023. Do đó, việc ông T1 không thực hiện nghĩa vụ trả tiếp dư nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng đã vi phạm Điều 3 và Điều 8 của hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, ông T1 là người có lỗi, là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Vì vậy, việc nguyên đơn Công ty yêu cầu thu hồi nợ trước hạn và buộc bị đơn ông T1 phải trả cho Công ty số tiền vay gốc còn nợ là 26.546.081 đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Xét yêu cầu tính lãi, phí của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 9301000040216250000 ký ngày 04/04/2023 và giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ ngày 04/04/2023 giữa Công ty và ông T1 đã giao kết mức lãi suất là 3,87%./tháng. Phương thức áp dụng và điều chỉnh lãi suất: Áp dụng lãi suất cố định theo tổng dư nợ gốc ban đầu. Lãi suất nợ gốc quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Xét thấy, đối với khoản tiền lãi suất theo sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng là 3,87%/tháng, cao hơn so với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng thì Công ty là một trong những hình thức tổ chức tín dụng và được điều chỉnh bởi Luật các tổ chức tín dụng nên giữa Công ty và ông T1 thỏa thuận mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng là có căn cứ. Do đó, mức lãi suất của hợp đồng các bên đã ký kết là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 5 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả lãi cho nguyên đơn theo hợp đồng đã giao kết. Việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiếp dư nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng đã vi phạm hợp đồng cho vay mà các bên đã ký kết, bị đơn là người có lỗi và là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Như vậy, T1 phải có nghĩa vụ trả cho Công ty số tiền lãi, phí theo giao kết của hợp đồng đến ngày 12/3/2024 với số tiền là 8.421.521 đồng (trong đó: Lãi trong hạn là 8.241.217 đồng, lãi quá hạn là 754.304 đồng, phí quản lý khoản vay là 96.000 đồng) là có căn cứ, phù hợp với nội dung thỏa thuận về việc trả nợ gốc lãi, chuyển nợ quá hạn, tính lãi tiền vay, phí tại hợp đồng tín dụng đã ký kết nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, bị đơn ông Nguyễn Ngọc T1 có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc còn nợ là 26.546.081 đồng, tiền lãi và phí theo giao kết trong hợp đồng đến ngày 12/3/2024 là 8.421.521 đồng (Trong đó: Lãi trong hạn là 8.241.217 đồng, lãi quá hạn là 754.304 đồng, phí quản lý khoản vay là 96.000 đồng), tổng cộng là 35.637.602 đồng (Ba mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm lẻ hai đồng) và kể từ ngày 13/3/2024, ông T1 còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng cấp tín dụng đã ký kết giữa ông T1 với Công ty cho đến khi trả hết nợ.

[5]. Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn phải chịu 1.781.880 đồng (Một triệu bảy trăm tám mươi mốt nghìn tám trăm tám mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 122, Điều 129, Điều 131, Điều 280, Điều 299, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Ngọc T1 có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Công ty T2 JACCS số tiền vay gốc 26.546.081 đồng (Hai mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn không trăm tám mươi mốt đồng) và tiền lãi, phí theo giao kết trong hợp đồng đến ngày 12/3/2024 là 8.421.521 đồng (Tám triệu bốn trăm hai mươi mốt nghìn năm trăm hai mươi mốt đồng), bao gồm: Lãi trong hạn là 8.241.217 đồng (Tám triệu hai trăm bốn mươi mốt nghìn hai trăm mười bảy đồng), lãi quá hạn là 754.304 đồng (Bảy trăm năm mươi bốn nghìn ba trăm lẻ bốn đồng), phí quản lý khoản vay là 96.000 đồng (Chín mươi sáu nghìn đồng), tổng cộng là 35.637.602 đồng (Ba mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm lẻ hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Ngọc T1 còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa ông T1 với Công ty T2 JACCS cho đến khi trả hết nợ.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T1 phải chịu 1.781.880 đồng (Một triệu bảy trăm tám mươi mốt nghìn tám trăm tám mươi

đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn Công ty T2 JACCS không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 756.130 đồng (Bảy trăm năm mươi sáu nghìn một trăm ba mươi đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000623, ngày 16/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

[3]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

[4]. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các bên đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Bảo